

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2021/HN- ST

Ngày 02/7/2021

V/v: “Xin ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Phong

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đoàn Lệ Hồng

Bà Mai Thị Nhắc

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Lại - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày **02** tháng **7** năm **2021** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 193/2021/TLST-HN ngày 17 tháng 5 năm 2021 về việc “*xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2021/QĐXXST-HN ngày 23 tháng 6 năm 2021 giữa:

*** Nguyên đơn:** Lâm Bảo T, sinh 1994 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Trú tại: Ấp Hội A, xã Đa Phước H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

*** Bị đơn:**

Lê Thanh Tr, sinh 1991 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Trú tại: Ấp Hội A, xã Đa Phước H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị T trình bày:

Vào năm 2014 do quen biết, nên tôi và anh Tr đã tiến tới hôn nhân, chúng tôi có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đa Phước Hội, huyện M, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới nhau chúng tôi sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, từ đó chúng tôi sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay tôi xin ly hôn với anh Tr.

Quá trình sống chung chúng tôi có 01 con chung tên Lê Thanh T, sinh ngày 27/6/2015, con hiện đang sống với tôi, nay tôi xin nuôi con, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/6/2021 bị đơn anh Tr trình bày: Về thời gian thành hôn, điều kiện thành hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung như chị T trình bày, nguyên nhân mất hạnh phúc do phát hiện vợ không chung thủy, từ đó vợ chồng mâu thuẫn, nên đã sống ly thân. Nay đồng ý ly hôn và đồng ý để con cho T nuôi, anh không cấp dưỡng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm cho rằng các giai đoạn tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện nhiệm vụ tuân thủ đúng các quy định pháp luật, người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật, nên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Áp dụng điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Về con chung: Đề nghị chấp nhận việc xin nuôi con theo yêu cầu của nguyên đơn, giao con cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

*** Về áp dụng pháp luật tố tụng:**

[1] Về quyền khởi kiện: Chị T cho rằng quá trình sống chung giữa vợ chồng không còn hạnh phúc nên muốn ly hôn, do đó chị khởi kiện. Căn cứ điều 51 luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị T có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của chị T là tranh chấp về việc ly hôn. Căn cứ khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã Đa phước Hội, huyện M. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện M thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

*** Về nội dung giải quyết vụ án:**

[1] Chị T, anh Tr kết hôn trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân, anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND cấp có thẩm quyền, do đó hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị sống có hạnh phúc trong thời gian dài có con chung lẽ ra anh, chị phải biết gìn giữ, nhưng từ những mâu thuẫn trong đời sống thường ngày mà anh, chị không tìm cách để khắc phục, từ đó vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và anh, chị đã quyết định sống ly thân từ năm 2019 đến nay bỏ mặt cho nhau. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết chị T vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn, còn anh Tr sau khi được hỏi ý kiến cũng đồng ý ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị là có thật, nếu để anh chị tiếp tục chung sống thì mục đích hôn nhân sẽ không đạt được, do đó ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh, chị là phù hợp.

[2] Về con chung: Quá trình khởi kiện chị T xin được nuôi cháu Lê Thanh Tú, sinh ngày 27/6/2015 . Hội đồng xét xử thấy rằng: Kể từ lúc vợ chồng anh chị ly thân đến nay con sống chung với chị T, đã thích nghi với việc chăm sóc, nuôi dưỡng của chị T, anh Tr cũng đồng ý để chị T nuôi dưỡng, nên chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Việc chị T không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện, nên ghi nhận.

[3] Tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xem xét.

[4] Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 51, 56, 81,82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5 điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lâm Bảo T. Chị Lâm Bảo T được ly hôn với anh Lê Thanh Tr.

Về con chung: Chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thanh T, sinh ngày 27/6/2015, anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con

Sau khi ly hôn, cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với con chung, người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi có căn cứ một hoặc cả hai bên chị T, anh Tr được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xem xét.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007085 ngày 11/5/2021 là đủ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M(1b);
- UBND xã Đa Phước H(1b)
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Thanh Phong